

QUYẾT ĐỊNH

**V/v: Phê duyệt và ban hành Quy chế công bố thông tin của
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn Công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông.
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị được ban hành theo Quyết định số 11/QĐ-HĐQT ngày 26/04/2023 của Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông;
- Căn cứ vào Biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông số **07** BB-HĐQT ngày **18** tháng **03** năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Công bố thông tin của Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 36 /QĐ - HĐQT ngày 18 tháng 07 năm 2012 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Điều 3. Các thành viên HĐQT, Ban giám đốc Công ty, Trưởng các Phòng, Giám đốc các Đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban kiểm soát PTC(để biết)
- Website PTC;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Trung Kiên

Tp. Vinh ngày 18 tháng 03 năm 2025

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG
*(Ban hành kèm theo quyết định số 08/QĐ-HĐQT ngày 18 tháng 03 năm 2025
của Hội đồng quản trị Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông)*

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.....	2
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	2
Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin.....	4
Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin.....	5
Điều 5. Phương tiện công bố thông tin	5
Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin.....	6
CHƯƠNG II. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY.....	6
MỤC 1. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ.....	6
Điều 7. Công bố Báo cáo tài chính năm.....	6
Điều 8. Thông tin Báo cáo tài chính bán niên.....	6
Điều 9. Báo cáo tài chính Quý.....	7
Điều 10. Các trường hợp phải giải trình nguyên nhân khi công bố báo cáo tài chính..	7
Điều 11. Công bố Báo cáo thường niên.....	7
Điều 12. Công bố thông tin về Báo cáo tình hình quản trị công ty.....	8
Điều 13. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	8
Điều 14. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty.....	8
MỤC 2. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG.....	9
Điều 15. Công bố thông tin bất thường 24 giờ.....	9
Điều 16. Công bố thông tin về Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.....	11
Điều 17. Công bố thông tin bất thường trong các trường hợp khác.....	12
MỤC 3. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU.....	12
Điều 18. Công bố thông tin theo yêu cầu.....	12
MỤC 4. CÔNG BỐ THÔNG TIN KHÁC.....	12
Điều 19. Công bố thông tin phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng.....	12
Điều 20. Mua lại cổ phiếu theo phương thức chào mua công khai.....	13
Điều 21. Báo cáo và công bố thông tin mua lại cổ phiếu	14

Điều 22. Thay đổi lại việc mua cổ phiếu.....	14
Điều 23. Báo cáo và công bố thông tin bán cổ phiếu quỹ.....	14
CHƯƠNG III. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	15
Điều 24. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số phiếu có quyền biểu quyết của công ty, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số phiếu có quyền biểu quyết của công ty.....	15
Điều 25. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ.....	16
CHƯƠNG IV. QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	17
Điều 26. Tổ chức công bố thông tin	17
Điều 27. Quy trình công bố thông tin.....	18
Điều 28. Bảo quản và lưu giữ thông tin.....	19
CHƯƠNG V. XỬ LÝ VI PHẠM.....	19
Điều 29. Xử lý vi phạm.....	19
CHƯƠNG VI. ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN.....	19
Điều 30. Hiệu lực thi hành.....	19
Điều 31. Tổ chức thực hiện.....	20

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về công bố thông tin của Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông khi tham gia thị trường chứng khoán.
2. Đối tượng áp dụng:
 - a) Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông;
 - b) Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin;
 - c) Tổ chức, các nhân có liên quan khác.

Điều 2: Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “UBCKNN” là chữ viết tắt của Ủy ban chứng khoán Nhà nước
2. “SGDCK” là chữ viết tắt của Sở Giao dịch Chứng khoán nơi Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông có cổ phiếu đăng ký giao dịch/Niêm yết
3. “Công ty” là Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông
4. “HĐQT” là chữ viết tắt của Hội đồng quản trị
5. Đối tượng công bố thông tin là các đối tượng quy định tại Khoản 2, Điều 1 tại quy chế này
6. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:

a) Nhà đầu tư là người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;

b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty;

c) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty;

d) Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của Công ty.

7. Người nội bộ của Công ty là:

a) Thành viên HĐQT;

b) Thành viên Ban kiểm soát;

c) Giám đốc Công ty/Giám đốc các đơn vị; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết các giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty;

d) Kế toán trưởng

e) Người được uỷ quyền công bố thông tin của Công ty;

f) Người phụ trách quản trị Công ty;

8. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

9. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy chế này.

10. Ngày báo cáo về công bố thông tin là ngày gửi Fax, dữ liệu điện tử qua Email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước.

11. Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ.

12. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật chứng khoán và Pháp luật về kiểm toán độc lập.

13. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch thực hiện qua Sở Giao dịch chứng khoán.

14. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.

15. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.

16. Nghị định 155/2020/NĐ-CP là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

17. Thông tư 96/2020/TT-BTC là Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn Công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán.

18. Thông tư 118/2020/TT-BTC là Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký "công ty đại chúng và huỷ tư cách công ty đại chúng.

19. Quyết định 21/QĐ-SGDVN là Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam về ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Công ty con.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo pháp luật và đảm bảo:

a) Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi với thông tin đã công bố trước đó;

b) Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, đối tượng công bố thông tin phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện trong vòng 24 giờ, kể từ khi biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của UBCKNN và SGDCK;

c) Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm Số thẻ căn cước công dân; số chứng minh thư nhân dân hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu được chủ thẻ liên quan đồng ý.

2. Các đối tượng công bố thông tin khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Điểm C Khoản 1 điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công bố thông tin.

3. Công ty có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu 05 năm;

4. Ngôn ngữ công bố thông tin là tiếng Việt.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin

1. Công ty thực hiện nghĩa vụ Công bố thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật là Giám đốc Công ty hoặc 01 người được uỷ quyền công bố thông tin của Công ty.

a) Giám đốc Công ty phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời do người được uỷ quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Giám đốc Công ty và người được uỷ quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì Giám đốc đơn vị có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin.

b) Công ty phải đăng ký, đăng ký lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được uỷ quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC cùng với Bản cung cấp thông tin của người đại diện theo pháp luật hoặc người được uỷ quyền công bố thông tin theo Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư 96/TT-BTC cho UBCKNN và SGDCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc uỷ quyền có hiệu lực.

2. Nhà đầu tư là cá nhân thuộc đối tượng công bố thông tin tại Điểm b, Khoản 2, Điều 1 quy chế này nếu uỷ quyền cho Công ty công bố thông tin thì nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được uỷ quyền công bố thông tin công bố.

Điều 5. Phương tiện công bố thông tin

1. Các phương tiện công ty sử dụng công bố thông tin bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử (Website) của Công ty;
- b) Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
- c) Trang thông tin điện tử của SGDCK;
- d) Trang thông tin điện tử của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC);
- e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của Pháp luật (báo in, báo điện tử).

2. Công ty sử dụng trang thông tin điện tử để thực hiện công bố thông tin theo quy định sau:

a) Công ty phải báo cáo với UBCKNN và SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi trang thông tin điện tử này.

b) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung ngành nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký Doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về Quan hệ cổ đông (nhà đầu tư) trong đó phải công bố Điều lệ Công ty; Quy chế quản trị Công ty, Bản cáo bạch (nếu

có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định của pháp luật;

c) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin đó.

3. Trường hợp phát sinh nghĩa vụ công bố thông tin vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp những lý do bất khả kháng (hoả hoạn, thiên tai, chiến tranh dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác). Công ty báo cáo UBCKNN và SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố thông tin về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

MỤC 1. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Điều 7. Công bố Báo cáo tài chính năm

1. Báo cáo Tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:

a) Báo cáo Tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

b) Công ty phải công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính.

2. Thời hạn công bố:

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán phải được công bố trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Điều 8. Thông tin báo cáo tài chính bán niên

Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

a) Báo cáo Tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo Tài chính giữa niên độ”, trình bày trong báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm của Công ty, được lập theo quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều 7 quy chế này. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính Bán niên phải được công bố đầy đủ kèm theo kết luận soát xét không phải là chấp nhận toàn phần;

b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên:

Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

Điều 9. Báo cáo tài chính quý

Công ty phải công bố Báo cáo tài chính quý

a) Toàn văn Báo cáo tài chính quý phải là Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo Tài chính giữa niên độ” được lập theo quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều 7 quy chế này. Toàn văn báo cáo tài chính quý phải được công bố đầy đủ.

b) Thời hạn công bố Báo cáo tài chính quý:

Công ty phải công bố Báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

Điều 10. Các trường hợp phải giải trình nguyên nhân khi công bố báo cáo tài chính

Khi công bố thông tin các Báo cáo tài chính nêu tại Điều 7, Điều 8 tại quy chế này, Công ty đồng thời phải giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước;
- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này và ngược lại;
- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét thay đổi từ 5% trở lên; chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;

Điều 11. Công bố báo cáo thường niên

1. Báo cáo thường niên được lập theo Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC

2. Thời hạn công bố chậm nhất là sau 20 ngày sau ngày công bố Báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

Điều 12. Công bố thông tin về Báo cáo tình hình quản trị công ty

Công ty phải công bố thông tin về Báo cáo tình hình quản trị Công ty theo Mẫu quy định tại Phụ lục V Thông tư 96/2020/TT-BTC

Thời hạn công bố thông tin báo cáo tình hình quản trị công ty không quá 30 ngày kết từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

Điều 13. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Trường hợp lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

2. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông

a) Tối thiểu trước 21 ngày trước ngày khai mạc đại hội đồng cổ đông, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và của UBCKNN, SGDKK về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: Thông báo mời họp, Chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong cuộc họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung bổ sung (sửa đổi) nếu có.

3. Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 14. Công bố thông tin về các hoạt động khác của công ty

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng Công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, cổ phiếu quỹ.

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Mục 2. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Điều 15. Công bố thông tin bất thường 24 giờ

1. Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của Công ty tại Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.

c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc huỷ niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc huỷ niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp, thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty, thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh; ban hành sửa đổi bổ sung

Điều lệ ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật), thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc huỷ hợp đồng đã ký;

h) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty và người có liên quan của Công ty;

j) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết . Thời điểm thực hiện công bố thông tin như sau:

Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định của pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

k) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty). Đồng thời , công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III - Thông tư 96/2020/TT-BTC;

l) Quyết định mua bán tài sản hoặc thực hiện giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét;

m) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;

n) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án liên quan đến hoạt động công ty; quyết định xử phạt vi phạm luật về thuế;

o) Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

p) Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty , công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

q) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty;

r) Được chấp thuận hoặc huỷ bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.

2. Khi công bố thông tin theo quy định khoản 1 Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a) Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định Khoản 1, Khoản 2 Điều 13 quy chế này.

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

a) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký dự kiến.

5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7, Điều 8 Quy chế này.

6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa hai kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu năm tài chính mới.

Điều 16. Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

Công ty báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, SGDCK, báo cáo UBCKNN, đồng thời công ty phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy chế này.

Trường hợp Công ty huỷ thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện, các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền của SGDCK, Công ty gửi Thông báo bằng văn bản cho SGDCK nêu rõ lý do trong vòng 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, đồng thời công bố thông tin về huỷ nội dung thông báo.

Điều 17. Công bố thông tin bất thường trong các trường hợp khác

Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời gian 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;
- b) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng giá trị tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;
- c) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của mỗi tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

Mục 3. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

Điều 18. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK nơi công ty đăng ký giao dịch/niêm yết khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
- b) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện, giải pháp khắc phục (nếu có).

Mục 4. CÔNG BỐ THÔNG TIN KHÁC

Điều 19. Công bố thông tin phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng

1. Công ty phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng thực hiện công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng.

2. Công ty phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin các nội dung sau:

a) Công bố thông tin định kỳ về Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo thường niên và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu hoặc giải ngân hết số tiền đã huy động tùy theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 13 Quy chế này.

b) Đối với trường hợp huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư, công ty phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán, báo cáo tiến độ sử dụng vốn kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu hoặc giải ngân hết số tiền đã huy động tùy theo thời điểm nào đến trước, cụ thể như sau:

Công ty phát hành trái phiếu ra công chúng phải thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận hoặc công bố đồng thời báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được báo cáo đã được kiểm toán xác nhận cùng báo cáo tài chính năm được kiểm toán và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Định kỳ 06 tháng, công ty phải công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

c) Công ty phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng phải công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo mẫu quy định tại Phụ lục VI Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

d) Công bố thông tin bất thường khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Quy chế này và phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có).

e) Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, công ty phải gửi thư thông báo tới từng trái chủ và thực hiện công bố thông tin về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi tối thiểu một tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu.

f) Công bố thông tin theo yêu cầu quy định tại Điều 18 Quy chế này.

Điều 20. Mua lại cổ phiếu theo phương thức chào mua công khai

Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình theo phương thức chào mua công khai phải tuân thủ quy định về chào mua công khai cổ phiếu tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, trong đó tài liệu mua lại cổ phiếu bao gồm:

1. Tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 85 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chứng khoán.

2. Tài liệu theo quy định tại điểm đ, e, g khoản 1 Điều 9 Thông tư 118/2020 TT-BTC

Điều 21. Báo cáo và công bố thông tin mua lại cổ phiếu

1. Công ty thực hiện việc báo cáo, công bố thông tin, thực hiện mua lại và báo cáo kết quả mua lại cổ phiếu theo quy định tại khoản 3,4,5 và 6 Điều 37 Luật Chứng khoán. Nội dung công bố thông tin được thực hiện theo Mẫu tại Phụ lục số 36 Thông tư 118/2020/TT-BTC. Nội dung báo cáo kết quả mua lại cổ phiếu được thực hiện theo Mẫu tại Phụ lục số 39 Thông tư 118/2020/TT-BTC.

2. Công ty thực hiện mua lại cổ phiếu sau 07 ngày làm việc kể từ ngày báo cáo UBCKNN và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty, phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK theo Mẫu tại Phụ lục số 36 Thông tư 118/2020/TT-BTC. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc giao dịch mua cổ phiếu, công ty phải báo cáo kết quả giao dịch cho UBCKNN và công bố thông tin ra công chúng theo Mẫu tại Phụ lục số 39 Thông tư 118/2020/TT-BTC

Điều 22. Thay đổi việc mua lại cổ phiếu

1. Công ty không được thay đổi ý định hoặc phương án mua lại cổ phiếu như đã báo cáo và công bố thông tin ra công chúng, trừ trường hợp bất khả kháng (thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh và những trường hợp khác) phải được UBCKNN chấp thuận.

2. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định thay đổi phương án mua lại cổ phiếu, công ty phải báo cáo UBCKNN đồng thời thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty, phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK về quyết định thay đổi theo Mẫu tại Phụ lục số 37 Thông tư 118/2020/TT-BTC

3. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có ý kiến về việc thay đổi phương án mua lại cổ phiếu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thay đổi.

4. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được UBCKNN chấp thuận thay đổi phương án mua lại cổ phiếu, công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty, hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK về việc thay đổi phương án mua lại cổ phiếu theo Mẫu tại Phụ lục số 38 Thông tư 118/2020/TT-BTC

Điều 23. Báo cáo và công bố thông tin bán cổ phiếu

Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình trong các trường hợp theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 7 Điều 36 Luật Chứng khoán thực hiện bán cổ phiếu như sau:

1. Công ty được bán cổ phiếu quỹ sau 24 giờ kể từ khi gửi Báo cáo kết quả giao dịch mua lại cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ

phần từ nguồn vốn chủ sở hữu đến UBCKNN và công bố thông tin ra công chúng.

2. Công ty phải hoàn thành việc bán cổ phiếu quỹ trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Báo cáo UBCKNN và công bố thông tin ra công chúng về việc bán cổ phiếu quỹ theo Mẫu tại Phụ lục số 36 Thông tư 118/2020/TT-BTC.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc giao dịch bán cổ phiếu quỹ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty phải gửi Báo cáo kết quả giao dịch bán cổ phiếu quỹ cho UBCKNN và công bố thông tin ra công chúng theo Mẫu tại Phụ lục số 39 Thông tư 118/2020/TT-BTC.

CHƯƠNG III

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 24. Công bố thông tin của nhóm cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc còn là cổ đông lớn của công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho công ty, UBCKNN và SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) theo Mẫu quy định tại Phụ lục VII Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn của công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho công ty, UBCKNN và SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên Mẫu quy định tại Phụ lục VII Thông tư 96/2020/TT-BTC.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua ngưỡng 1% trở lên nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

4. Quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này cũng áp dụng với người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục IX và Phụ lục X Thông tư 96/2020/TT-BTC căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.

5. Quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ giao dịch nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết phát sinh do công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

6. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 25. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ

1. Người nội bộ của công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch), Công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a) Trước ngày dự kiến giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo Mẫu quy định tại Phụ lục VIII hoặc Phụ lục IX Thông tư 96/2020/TT-BTC;

b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK;

c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, chứng chỉ quỹ hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d) Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời, đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ, hoặc chứng quyền có bảo đảm trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả

giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo Mẫu quy định Phụ lục XV hoặc XVI Thông tư 96/2020/TT-BTC;

e) Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

3. Quy định về nghĩa vụ công bố thông tin tại điểm a, b và d khoản 1 Điều này không áp dụng với công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ của công ty hoặc người có liên quan của đối tượng này.

4. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của công ty hoặc người có liên quan của đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên ...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định Điều lệ công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại điều này, công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty.

CHƯƠNG IV

QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 26. Tổ chức công bố thông tin

1. Thông tin Công ty có nghĩa vụ công bố

a) Công bố thông tin định kỳ được thực hiện theo một quy trình đảm bảo thông tin luôn được công bố thông tin kịp thời, đúng quy định;

b) Các thông tin bất thường về thời gian nhưng thường xuyên phát sinh trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp cũng được thực hiện theo một quy trình có kiểm soát;

c) Các thông tin bất thường khác và thông tin công bố theo yêu cầu phải có quy định xử lý từ khi tiếp nhận thông tin đến khi công bố thông tin.

2. Các thông tin Công ty tiếp nhận từ các đối tượng có nghĩa vụ công bố

a) Công ty lập, lưu trữ thông tin, cập nhật danh sách tổ chức, cá nhân, nhóm người sở hữu 5% số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết để theo dõi nghĩa vụ công bố thông tin ;

b) Công ty lập, lưu trữ danh sách, thông tin người nội bộ và người có liên quan người nội bộ. Danh sách và thông tin được cập nhật thường xuyên mỗi khi có thay đổi;

c) Việc tiếp nhận, xử lý thông tin từ các đối tượng có nghĩa vụ công bố ở Điểm a, b Khoản 1 Điều này và các đối tượng khác, sau đó Công ty thực hiện công bố theo quy định phải được xác lập bằng một quy trình có thể kiểm soát.

Điều 27. Quy trình công bố thông tin

1. Tiếp nhận yêu cầu công bố thông tin

a) Thông tin định kỳ đã được xác lập về thời gian và giao cho từng cá nhân, đơn vị cụ thể có trách nhiệm xử lý thông tin;

b) Việc tiếp nhận từng loại thông tin bất thường, thông tin theo yêu cầu phải công bố phải được giao cụ thể cho từng đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận. Khi có thông tin đến, bất cứ cá nhân, đơn vị tiếp nhận cũng phải có trách nhiệm tiếp nhận để xử lý chuyển tiếp.

2. Xử lý thông tin

a) Xử lý thông tin là quá trình tạo ra thông tin để công bố

b) Các cá nhân, đơn vị được giao trách nhiệm xử lý thông tin có quyền yêu cầu trong nội bộ Công ty hoặc các đối tượng liên quan khác cung cấp thông tin để phục vụ xử lý thông tin, phù hợp với các quy định của pháp luật và Quy chế của Công ty.

c) Thông tin sau khi xử lý phải được người có trách nhiệm phê duyệt

d) Thông tin phải có định dạng sau:

- Văn bản là bản chính có đầy đủ dấu và chữ ký hợp lệ theo quy định của Pháp luật

- File dữ liệu điện tử:

+ File có dạng DOC và EXCEL phải ghi đầy đủ tên và chức vụ, người ký văn bản, số hiệu, ngày tháng năm văn bản;

+ File có định dạng PDF phải từ văn bản gốc có chữ ký và dấu mực đỏ của Công ty

3. Gửi thông tin công bố

a) Thông tin sau khi được Người Đại diện theo pháp luật của Công ty phê duyệt công bố thông tin được chuyển đến Người được uỷ quyền công bố thông tin;

b) Thông tin văn bản được gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp tại trụ sở UBCKNN, SGDCK đồng thời gửi thông tin dưới dạng file điện tử cho UBCKNN, SGDCK theo hình thức được quy định. Trong trường hợp khẩn cấp, thông tin văn bản có thể gửi qua fax và đồng thời gửi bản chính cho UBCKNN, SGDCK, đăng thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty tại chuyên mục

“ Thông tin cổ đông”. Trong chuyên mục “ Thông tin cổ đông” có các tiểu mục được quy định cho từng loại thông tin cụ thể.

4. Kiểm tra nhận phản hồi

a) Đơn vị/cá nhân xử lý thông tin có trách nhiệm kiểm tra thông tin được công bố. Trường hợp phát hiện có sai lệch với thông tin công bố thì phải báo cáo với Người đại diện theo pháp luật của Công ty và Người được uỷ quyền công bố thông tin.

b) Trường hợp bên nhận thông tin do Công ty công bố phản hồi về tính chính xác của thông tin, thì các thông tin phản hồi được chuyển về đơn vị/cá nhân có trách nhiệm xử lý báo cáo Người đại diện theo pháp luật của Công ty và Người được uỷ quyền công bố thông tin, đồng thời đề xuất cách xử lý và cải chính thông tin.

Điều 28. Bảo quản và lưu giữ thông tin

1. Về nguyên tắc chung việc lưu giữ các thông tin được công bố là vô thời hạn hoặc tuân thủ theo các quy định riêng của từng loại thông tin. Việc huỷ thông tin theo một thời hạn nhất định (nếu có) phải đảm bảo điều kiện tại Khoản 3 Điều 3 Quy chế này. Việc huỷ thông tin trên các phương tiện công bố thông tin không đồng nhất với việc huỷ thông tin (gốc).

2. Các thư điện tử dùng để gửi thông tin chỉ được xoá khi chắc chắn không còn giá trị tham chiếu về việc gửi thông tin.

3. Thông tin công bố phải được lập hồ sơ lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

**CHƯƠNG V
XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 29. Xử lý vi phạm

1. Các hành vi vi phạm Quy chế công bố thông tin dẫn đến vi phạm quy định pháp luật về công bố thông tin sẽ bị xem xét xử lý theo quy định tại Điều 42 Nghị định 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Tổ chức/cá nhân thuộc Công ty có hành vi vi phạm Quy chế Công bố thông tin dẫn đến các hậu quả gây thiệt hại cho Công ty, làm ảnh hưởng đến uy tín của Công ty, thì tùy theo từng trường hợp cụ thể sẽ bị xem xét xử lý theo các quy định hiện hành của Công ty.

**CHƯƠNG V
ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN**

Điều 30. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành.

Điều 31. Tổ chức thực hiện

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành.

1. Công ty công bố Quy chế công bố thông tin trên website của Công ty để cổ đông được biết.

2. Trường hợp SGDCK có hướng dẫn chi tiết cách thức công bố thông tin áp dụng cho các đối tượng công bố thông tin phù hợp với quy định của pháp luật và hệ thống công bố thông tin của SGDCK thì quy trình thực hiện công bố thông tin thực hiện theo hướng dẫn của SGDCK.

3. Trường hợp có các quy định pháp luật về công bố thông tin chưa được đề cập tại Quy chế này hoặc có các quy định pháp luật mới ban hành khác với Quy chế này thì phải tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin được nêu tại các quy định pháp luật đó.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, Giám đốc Công ty tổng hợp, trình Hội đồng quản trị xem xét quyết định.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Trung Kiên